

**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2015**

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
<b>Điều 1. Giải thích từ ngữ</b>	khoản 1, điểm a, b, d, e, f, i, j	<p>a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>b. "Cổ đông" là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào mà tên của họ và các thông tin khác mà pháp luật yêu cầu được nêu trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty với tư cách là chủ sở hữu của các cổ phần và cổ phần của họ đã được thanh toán;</p> <p>d. "Cổ phần" là một cổ phần trong vốn cổ phần của công ty gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi;</p> <p>e. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.</p> <p>i. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</p>	<p>a. "Vốn điều lệ" là <u><b>tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi và/hoặc sau khi thành lập doanh nghiệp</b></u> và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.</p> <p>b. "Cổ đông" là <u><b>cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.</b></u></p> <p>d. "Cổ phần" là <u><b>vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau, bao gồm cổ phần phổ thông và các cổ phần ưu đãi theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật.</b></u></p> <p>e. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là <u><b>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/OH13 được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014</b></u> và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.</p> <p>i. "Người quản lý doanh nghiệp" là <u><b>người quản lý Công ty gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh, đại diện Công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.</b></u></p>	Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 2, Khoản 13, Khoản 18, Khoản 29 Điều 4 và Điểm a Khoản 1 Điều 110 và Điều 113 của Luật Doanh nghiệp 2014.
<b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn</b>	Khoản 4	4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	4. <u><b>Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc</b></u> Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty <u><b>theo quyết định của Hội đồng quản trị</b></u>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014

Tên Điều/Khoản	Điều/ Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty				
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Khoản 2	2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật	2. Công ty có thể tăng <b><u>hoặc thay đổi</u></b> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và <b><u>hoặc</u></b> phù hợp với các quy định của pháp luật	Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 111 Luật Doanh nghiệp 2014
	Khoản 5	5. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Cổ phần phổ thông dự kiến phát hành .....	5. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác <b><u>và/hoặc pháp luật có quy định khác</u></b> , Cổ phần phổ thông dự kiến phát hành .....	Sửa đổi phù hợp thực tế Công ty là Công ty niêm yết theo Luật Chứng Khoán.
Điều 11. Quyền của cổ đông	khoản 2, điểm a, điểm e, điểm h	<p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa <b><u>hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</u></b></p> <p>e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <b><u>theo quy định của Công ty trừ trường hợp các tài liệu đã được công bố công khai trên website của Công ty;</u></b></p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <b><u>Điều 129</u></b> của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp điểm b, e khoản 1 Điều 114 Luật DN 2014.</p> <p>Điểm h dẫn chiếu điều luật theo Luật DN 2014.</p>
	Bổ sung điểm đ và sửa đổi điểm		đ. <b><u>Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát theo quy định của</u></b>	Bổ sung theo Điểm b Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
	đ thành điểm e tại Khoản 3		<u>Công ty trừ trường hợp các tài liệu đã được công bố công khai trên website của Công ty;</u> e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	
<b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b>	Điểm c Khoản 3	c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;	c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát còn lại</u> ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;	Sửa đổi phù hợp Điểm b Khoản 3 Điều 136 Luật DN 2014
	Điểm d Khoản 3	d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản trong các trường hợp được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;	d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản trong các trường hợp được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan <u>và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 11.3(b) Điều lệ và quy định pháp luật;</u>	Bổ sung làm rõ và dẫn chiếu đến nội dung theo Điều 11.3 (b) Điều lệ
	Điểm b, Điểm c Khoản 4	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp; c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 136</u> Luật Doanh nghiệp; c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 <b>Error! Reference source not found.</b> Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ	Sửa đổi lại dẫn chiếu điều luật theo Luật DN 2014

Tên Điều/Khoản	Điều/ Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
		tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ <b>10%</b> tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.	đồng, nhóm cổ đông nắm giữ <b>10%</b> tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b><u>Khoản 6 Điều 136</u></b> Luật Doanh nghiệp.	
<b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	Khoản 1	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: <b>a) <u>Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;</u></b> b) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; <b>c) <u>Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u></b> <b>d) <u>Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</u></b> <b>e) <u>Báo cáo tư đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</u></b> <b>f) <u>Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</u></b> <b>g) <u>Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;</u></b> <b>h) <u>Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</u></b>	Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 2 Điều 136 Luật DN 2014
	khoản 2, điểm p	p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh	p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <b><u>Khoản 1 Điều 162</u></b> của Luật Doanh nghiệp với giá trị <b><u>bằng hoặc lớn</u></b>	Sửa đổi theo khoản 3 điều 162 Luật DN 2014

Tên Điều/Khoản	Điều/ Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>ngành với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p>	<p><b><u>hơn 35%</u></b> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	
<p><b>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</b></p>	<p>Khoản 1</p>	<p>Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p>	<p>Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể <b><u>trực tiếp tham dự</u></b> hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p><b><u>Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</u></b></p> <p><b><u>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u></b></p> <p><b><u>b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</u></b></p> <p><b><u>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u></b></p> <p><b><u>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</u></b></p> <p><b><u>Hình thức biểu quyết tại Điểm c, Điểm d Khoản 1, Điều này phải đăng ký với Công ty trước ngày khai mạc Đại hội 03 ngày trù trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác.</u></b></p>	<p>Sửa đổi, Bổ sung theo Khoản 2 Điều 140 Luật DN 2014.</p>
<p><b>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và</b></p>	<p>Khoản 2</p>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương</p>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 7 Điều 136, Điều 137, Điều 138 Luật DN 2014.</p>

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
<p><b>thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>		<p>trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p>hơn 07 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.</p> <p>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <p>Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.</p> <p>c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp.</p> <p>d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.</p> <p>đ. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm họp.</p>	

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
			<p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>	
	Khoản 3	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo mời họp phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang điện tử của công ty và đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>Thông báo mời họp phải được gửi kèm các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</li> <li>- Phiếu biểu quyết;</li> </ul>	Sửa đổi phù hợp với Điều 139 Luật DN 2014



Tên Điều/Khoản	Điều/ Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
			<p>- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</p> <p>Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Khoản này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</p>	
<b>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Khoản 1	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp <b><u>đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.</u></b>	Sửa đổi phù hợp với khoản 1 Điều 141 Luật DN 2014
	Khoản 2	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng bốn mươi lăm (45) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng bốn mươi lăm (45) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, <b><u>trừ trường hợp Hội đồng quản trị quyết định một thời hạn khác ngắn hơn.</u></b> Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp <b><u>đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</u></b>	Sửa đổi phù hợp với khoản 2 Điều 141 Luật DN 2014
	Khoản 3	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng bốn mươi lăm (45) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng bốn mươi lăm (45) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, <b><u>trừ trường hợp Hội đồng quản trị quyết định một thời hạn khác ngắn hơn</u></b> và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ	Sửa đổi cho phù hợp tình hình thực tiễn của Công ty đại chúng niêm yết do Luật DN 2014 cho phép Điều lệ được quy định thời hạn khác.



Tên Điều/Khoản	Điều/ Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
		không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	
<b>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b>	Khoản 4	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp <b><u>theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</u></b></p> <p>Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 2 điều 142 Luật DN 2014.
	Khoản 6	Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.	<p>Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu</p>	Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 8 Điều 142 Luật DN 2014.

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
			<p>quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p>	
<p><b>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Khoản 1, Khoản 2,</p>	<p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý.</p> <p>2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý.</p>	<p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty được thông qua khi có từ <b><u>65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết</u></b> của tất cả cổ đông dự họp có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý.</p> <p>2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ <b><u>51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết</u></b> của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 144 Luật DN 2014.</p>

Tên Điều/Khoản	Điều/ Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
	Khoản 3	3. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	3. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <b><u>ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết</u></b> chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi phù hợp Khoản 4 Điều 144 Luật DN 2014
<b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	Khoản 1	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:  1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:  <b><u>1. Đối với các nội dung nêu tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này và Khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp</u></b> , Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 143 Luật DN 2014 và tạo sự chủ động cho HĐQT trong việc thông qua quyết định ĐHCĐ.
	Khoản 2	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông <b><u>và/hoặc yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ</u></b> . Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <b><u>mười (10) ngày</u></b> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 145 Luật DN 2014.
	Khoản 4	Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.	Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.	Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 4 Điều 145 Luật DN 2014.

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	
	Khoản 5	<p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung</p>	<p>5. Hội đồng quản trị <b><u>tổ chức</u></b> kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu <b><u>và người kiểm phiếu</u></b>.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, <b><u>người kiểm phiếu</u></b> và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	Bổ sung theo Khoản 5 Điều 145 Luật DN 2014.

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
		thực, không chính xác.		
	Khoản 6	Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <b><u>Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;</u></b>	Bổ sung theo Khoản 6 Điều 145 Luật DN 2014.
	Khoản 8	Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <b><u>ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết</u></b> chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa theo Khoản 4 Điều 144 Luật DN 2014.
<b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Điều 22	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. <b><u>Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập bằng tiếng nước ngoài, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự</u></b>	Sửa đổi phù hợp Điều 146 Luật DN 2014

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p><b><u>khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</u></b> Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
<b>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	Khoản 1	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, <b><u>, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này,</u></b> thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và <b><u>ra quyết định</u></b> của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, <b><u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2, điều 148 Luật Doanh nghiệp.</u></b></p>	Bổ sung theo Điều 147 Luật DN 2014.
<b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b>	Khoản 1	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <b><u>ít nhất</u></b> là năm (05) người <b><u>và nhiều nhất là bảy (11) người.</u></b> <b><u>Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong một nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông của nhiệm kỳ đó quyết định.</u></b> Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 và Khoản 2 Điều 150 Luật DN 2014.



Tên Điều/Khoản	Điều/ Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
	Khoản 2	2. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo rằng có ít nhất 1/2 số thành viên là các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ trước	2. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo rằng có ít nhất 1/2 số thành viên là các thành viên <u>viên</u> Hội đồng quản trị nhiệm kỳ trước, <u>trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</u>	Sửa lỗi chính tả và bổ sung thêm mục “ <u>trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác</u> ”.
	Khoản 3	3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa 01 thành viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) thành viên.	3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>05%</u> đến dưới 20% được đề cử tối đa 01 ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.	Sửa đổi phần gạch chân giảm tỷ lệ cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị từ 10% xuống 05%.
	Khoản 4	4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử	4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công	Sửa đổi phù hợp với quy định về quản trị Công ty đại chúng.

Tên Điều/Khoản	Điều/ Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
		viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	
	Điểm a, Điểm b Khoản 5	a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên ba (03) công ty khác	a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng <b><u>không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18</u></b> của Luật Doanh nghiệp; b. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của <b><u>công ty khác theo quy định của pháp luật liên quan.</u></b>	- Điểm a sửa đổi phù hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 151 Luật DN 2014;  - Điểm b sửa đổi phù hợp với Luật DN 2014 và Luật Chứng khoán 2006 (đã sửa đổi năm 2010).
<b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b>	điểm a, điểm d, điểm g, điểm h, điểm i, điểm m Khoản 3	a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền; i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm	a. Quyết định <b><u>chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và</u></b> kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; d. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; g. <b><u>Quyết định</u></b> việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước, <b><u>nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, trừ trường hợp pháp luật chứng khoán có quy định khác; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></b> h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;	Sửa đổi phù hợp Khoản 4 Điều 127, Khoản 2 Điều 149 Luật DN 2014

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.</p>	<p>i. <b><u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</u></b>. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể <b><u>hoặc yêu cầu phá sản</u></b> Công ty.</p>	
	<p>Bổ sung điểm n, điểm o, điểm p, điểm q vào Khoản 3</p>		<p>n. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>p. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với Khoản 2 Điều 149 Luật DN 2014</p>
	<p>điểm c, điểm đ khoản 4</p>	<p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh);</p> <p>đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản</p>	<p>c. Trong phạm vi quy định tại <b><u>Khoản 2 Điều 149</u></b> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định <b><u>tại Khoản 3 Điều 162</u></b> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh <b><u>và các Hợp đồng khác</u></b>);</p> <p>e. Việc <b><u>cho vay</u></b>, vay nợ; việc thực hiện các <b><u>giao dịch bảo đảm cho Công ty hoặc cho bên thứ ba hoặc từ bên</u></b></p>	<p>Sửa đổi lại dẫn chiếu Điều Luật phù hợp với Điều 149, Điều 162 Luật DN2014.</p> <p>Bổ sung phần gạch chân.</p>

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
		thể chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;	<u>thứ ba</u> ; và bồi thường của Công ty;	
<b>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	khoản 1	Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch . Chủ tịch Hội đồng quản trị là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty (tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp). Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	<b><u>Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một hoặc một số Phó Chủ tịch.</u></b> Chủ tịch Hội đồng quản trị là cổ đông cá nhân sở hữu <b><u>hoặc đại diện sở hữu</u></b> ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn , kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành , nghề kinh doanh chủ yếu của công ty (tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp, <b><u>trừ trường hợp Hội đồng quản trị quyết định khác</u></b> ). Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 152 Luật DN 2014  Sửa đổi tiêu đề Điều 26: bổ sung thêm <b>“Phó Chủ tịch”</b>
	Khoản 2	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. <b><u>Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ</u></b>	Bổ sung phần gạch chân để tạo thuận lợi trong hoạt động của Hội đồng quản trị và phù hợp với quản trị Công ty đại chúng theo quy định pháp luật chứng khoán.

Tên Điều/Khoản	Điều/ Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
			<u><i>của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</i></u>	
	Khoản 4	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	4. Trường hợp Chủ tịch <b>và/hoặc Phó chủ tịch</b> Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	Bổ sung phần gạch chân để tạo thuận lợi trong hoạt động của Hội đồng quản trị và phù hợp với quản trị Công ty đại chúng theo quy định pháp luật chứng khoán.
<b>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>	Khoản 1	Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	<u><b>Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó.</b></u> Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất <u><b>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất</b></u> triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu <u><b>hoặc tỷ lệ phiếu bầu</b></u> cao nhất <u><b>và</b></u> ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 152 và khoản 1 Điều 153 Luật DN 2014
	Khoản 3	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán	Sửa đổi phù hợp với Khoản 4 Điều 153 Luật DN 2014

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
		bàn: a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; c. Đa số các thành viên Ban kiểm soát.	bộ quản lý khác; b. Ít nhất hai (02) thành viên <b><u>điều hành của</u></b> Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát <b><u>hoặc thành viên độc lập</u></b> .	
	Khoản 4	4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch .....	4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn <b><u>bảy (07) ngày làm việc sau khi nhân được</u></b> đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch .....	Sửa đổi phù hợp với Khoản 5 Điều 153 Luật DN 2014
	Khoản 7	7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.  Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được	7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất <b><u>ba (03) ngày</u></b> trước khi tổ chức họp <b><u>hoặc thời gian khác ngắn hơn theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết và/hoặc vì lợi ích Công ty</u></b> , các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.  Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. <b><u>Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên như</u></b>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 6 và Khoản 7 Điều 153 Luật DN 2014.



Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
		đăng ký tại Công ty.	<b><u>đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</u></b>	
	Khoản 8	<p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <b><u>bảy (07) ngày</u></b> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất <b><u>hoặc thời gian khác ngắn hơn theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết và/hoặc vì lợi ích Công ty.</u></b> Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 8 Điều 153 Luật DN 2014.
	Điểm a Khoản 9	a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;	<p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p><b><u>Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</u></b></p> <p><b><u>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u></b></p> <p><b><u>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</u></b></p> <p><b><u>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</u></b></p> <p><b><u>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u></b></p> <p><b><u>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì</u></b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 9 Điều 153 Luật DN 2014

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
			<b><u>kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</u></b>	
	Điểm b Khoản 9	b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;	b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết. <b><u>Trường hợp có nhiều thành viên không có quyền biểu quyết dẫn đến cuộc họp Hội đồng quản trị không đủ số lượng tối thiểu để tổ chức cuộc họp như nêu tại Khoản 8 Điều 27 Điều lệ thì cuộc họp sẽ vẫn được diễn ra bao gồm cả các thành viên không có quyền biểu quyết để đảm bảo đủ tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại Khoản 8 Điều 17 Điều lệ và nội dung họp được thông qua khi có đa số thành viên không có lợi ích biểu quyết thông qua;</u></b>	Sửa đổi phần gạch chân để tạo thuận lợi cho hoạt động của Hội đồng quản trị và phù hợp quy định pháp luật.
	Khoản 12	12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:  .....	12. <b><u>Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.</u></b> Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:  .....	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 154 Luật DN 2014
	Khoản	15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách	15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
	15	<p>nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p>	<p>biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt <b><u>và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài</u></b> và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp. <b><u>Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</u></b></p>	<p>và Khoản 3 Điều 154 Luật DN 2014</p>
<b>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</b>	khoản 2	<p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này . Nếu nhiệm kỳ của Tổng giám đốc đương chức hết hạn mà Tổng giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của Tổng giám đốc đương chức sẽ được kéo dài cho tới thời điểm Tổng giám đốc mới được bổ nhiệm.</p>	<p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là <b><u>không quá năm (05) năm</u></b> và có thể được tái bổ nhiệm <b><u>với số nhiệm kỳ không hạn chế</u></b>. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. Nếu nhiệm kỳ của Tổng giám đốc đương chức hết hạn mà Tổng giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của Tổng giám đốc đương chức sẽ được kéo dài cho tới thời điểm Tổng giám đốc mới được bổ nhiệm.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 157 Luật DN 2014</p>
<b>Chương IX. BAN KIỂM SOÁT</b>		<p>“Thành viên Ban kiểm soát”</p>	<p><b><u>“Kiểm soát viên”</u></b></p>	<p>Sửa đổi theo Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2014. Cụm từ: “Thành viên Ban kiểm soát” sẽ</p>

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
				được thay thế bằng cụm từ “Kiểm soát viên” trong Chương 9 của Điều lệ để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
<b>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</b>	Khoản 1	<p>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban.</p>	<p>Điều 32. <b><u>Kiểm soát viên</u></b></p> <p>1. Số lượng <b><u>Kiểm soát viên</u></b> của Công ty là 03 thành viên. Các <b><u>Kiểm soát viên</u></b> không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty <b><u>và không giữ các chức vụ quản lý công ty</u></b> và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. <b><u>Tất cả Kiểm soát viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</u></b></p> <p>Các <b><u>Kiểm soát viên</u></b> không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban.</p>	Sửa đổi phù hợp theo Điều 164 Luật DN 2014
	Khoản 2	Chúng tôi khuyến nghị Tỷ lệ đề cử ứng viên Ban kiểm soát nên sửa đổi như nội dung khuyến nghị về đề cử ứng viên Hội đồng quản trị nêu trên.		
	Khoản 5	<p>5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành</p>	<p>5. <b><u>Kiểm soát viên</u></b> không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p><b><u>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm</u></b></p>	Sửa đổi phù hợp Điều 169 Luật DN 2014

Tên Điều/Khoản	Điều/ Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
		viên Ban kiểm soát; b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	<u><i>soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;</i></u> b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty <u><i>và được chấp thuận;</i></u> c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	
<b>Điều 33. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát</b>	Khoản 1	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:  .....	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <b><u>Điều 165</u></b> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	Sửa đổi lại dẫn chiếu điều luật theo Luật DN 2014
	Khoản 2	2. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:  .....	2. <b><u>Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</u></b> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:  .....	Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 163 Luật DN 2014
	Khoản 3	3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám	3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều	Sửa đổi phù hợp Điều 166 Luật

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
		đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị. <b><u>Ngoài ra, Các tài liệu phải được cung cấp theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.</u></b>	DN 2014
<b>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b>	Khoản 3	3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được <b><u>Hội đồng quản trị hoặc</u></b> Đại hội đồng cổ đông chấp thuận <b><u>tương ứng với thẩm quyền quy định tại các Điều 14.2, Điều 25.4 và Điều 35 của Điều lệ này.</u></b>	Sửa đổi cho phù hợp Luật DN 2014 và tình hình thực tế của Công ty.
	Khoản 4, điểm a, điểm b	4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên	4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá <b><u>vì những mối quan hệ vừa nêu,</u></b>	Sửa đổi theo Điều 162 Luật DN2014



Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p><u>hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</u></p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị <u>dưới 35%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị <u>từ 35% trở lên</u> của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	
<b>Điều 39. Phân phối lợi nhuận</b>	Khoản 1	1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.	1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty <u>nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến của cổ đông tại Đại hội cổ đông.</u>	Sửa đổi phù hợp Luật DN 2014 và tạo sự chủ động cho HĐQT.

Tên Điều/Khoản	Điều/Khoản	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
<b>Điều 49. Con dấu</b>		<b>Điều 49. Con dấu</b> 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	<b>Điều 49. Con dấu</b> 1. Hội đồng quản trị quyết định <b><u>hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. Mẫu con dấu được thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được khắc theo quy định pháp luật.</u></b> 2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành <b><u>quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></b>	Sửa đổi phù hợp quy định Điều 44 Luật DN 2014
<b>Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</b>	Khoản 1	1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định bởi các cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng giá trị cổ phần có quyền biểu quyết tham gia trực tiếp hoặc ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông hoặc được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của Điều lệ này	1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định bởi các cổ đông đại diện cho ít nhất <b><u>65% tổng số phiếu biểu quyết</u></b> tham gia trực tiếp hoặc ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông hoặc được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của Điều lệ này	Sửa đổi theo Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 144 Luật DN 2014 và phù hợp với sửa đổi tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Điều lệ nêu trên.

**Ghi chú:**

- Điều lệ sửa đổi, bổ sung sẽ hiệu đính phần dẫn chiếu điều luật và/hoặc từ ngữ có nội dung tương ứng theo Luật Doanh nghiệp 2014.
- Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định tại Đại hội.
- Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ được trình Đại hội thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 và nếu được Đại hội thông qua thì sẽ được áp dụng kể từ ngày được thông qua.